TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2017
V/v ly hôn giữa chị T và anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khánh

2. Ông Lê Văn Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1981, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1974, vắng mặt không có lý do.

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn 4, xã AN, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Ngọc A tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện BL, tỉnh Hà Nam vào ngày 15/10/2002, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Đến năm 2005 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A coi thường và có lời nói, thái độ không tôn trọng chị, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên gây khó dễ cho chị trong sinh hoạt cá nhân cũng như trong mối quan hệ gia đình, xã hội, anh A nghi ngờ chị trong cách chi tiêu kinh tế cũng như trong quan hệ tình cảm, chị cùng gia đình đã khuyên bảo nhưng anh A không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ đầu tháng 3/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến

nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về nuôi con chung: Chị Phan Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19/7/2003 và cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 10/6/2009, hiện 02 cháu đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh A góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị ngày 26/6/2017 và tại phiên tòa chị T thay đổi quan điểm, yêu cầu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Phan Thị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2017 và tại phiên hòa giải ngày 15/5/2017, bị đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Về hôn nhân: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Phan Thị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm và không tôn trọng chị T, ngăn cản chị T trong công việc, trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè, xã hội. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 3/2017, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đã nhận ra những thiếu sót của bản thân và mong chị T bỏ qua, cho anh cơ hội để sửa chữa, anh không nhất trí ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu H và cháu K như chị T trình bày. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị T nuôi cả hai cháu, anh có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K 2.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh Nguyễn Ngọc A không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Chị Phan Thị T đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Ngọc A chưa chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Ngọc A; Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Tuấn H - sinh ngày 19/7/2003 và Nguyễn Thị K - sinh ngày 10/6/2009 cho chị Phan Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, buộc anh Nguyễn Ngọc A góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thị K 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng; Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh A phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Ngọc A là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2002 tại UBND xã AN, huyện BL, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, mâu thuẫn ngày càng nặng nề, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2017. Mặc dù anh A xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng, tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã AN thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng anh chị kéo dài nhiều năm, chị T cũng đã làm đơn xin ly hôn anh A nhiều lần, được gia đình và thôn đội hòa giải nên chị đã không gửi đơn đến Tòa án, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, việc về đoàn tụ là khó, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh A vắng mặt không có lý do nên ngày 02/6/2017 Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được, xét thấy việc anh A xin đoàn tụ là không thiện chí, chỉ là gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án mà thôi. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Ngọc A có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19/7/2003 và cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 10/6/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại chị T có nơi ăn, ở và công việc, thu nhập ổn định, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đều do chị T nuôi dưỡng, có sức khỏe tốt và phát triển bình thường, bên cạnh đó tại lời khai của các cháu cũng đều có nguyện vọng xin được ở với chị T. Tại phiên tòa anh A vắng mặt, song tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải ngày 15/5/2017, anh A và chị T đã thống nhất thỏa thuận để chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu H, K. Mặc dù tại phiên hòa giải ngày 15/5/2017 anh A và chị T thống

nhất anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K cùng chị T là 2.000.000đ/tháng, song tại đơn đề nghị ngày 26/6/2017 và tại phiên tòa chị T thay đổi quan điểm, yêu cầu anh A góp tiền cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000đ/tháng với lý do anh A không có công việc ổn định, thu nhập thấp. Xét thấy, hiện tại anh A đang làm hợp đồng tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đóng tàu Thịnh Long, địa chỉ tại khu 8, thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với mức lương chính là 3.593.700đ/tháng, không có chỗ ở ổn định, ngoài thu nhập từ tiền lương thì anh A không còn thu nhập gì khác, nên nếu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng đối với cháu K ở mức 2.000.000đ/tháng sẽ không đảm bảo được cuộc sống cho anh A. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương xã AN thì đại diện chính quyền cũng có quan điểm đề nghị giao cả 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng, anh A có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung tại phiên hòa giải ngày 15/5/2017 cũng như quan điểm thay đổi của chị T về mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với mức thu nhập của anh A, do vậy cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu K, buộc anh A có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Ly hôn anh chị đều không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Ngọc A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19/7/2003 và cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 10/6/2009. Buộc anh Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K cùng chị T là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh A trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu H và cháu K.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL theo biên lai số AA/2015/0001024 ngày 28/4/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị T đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã AN, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ngời đợc thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- UBND xã AN;
- Các đương sự;
- Lu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Kim Ngân
Đã ký